

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2022.

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Văn Hoàng;

ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 2 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Mỹ L, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2016 tại ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình

không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Chị và anh T sống ly thân từ khoảng tháng 06 năm 2021 cho đến nay.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-01-2021, bị đơn - anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị L chung sống với nhau được khoảng 05 năm nay, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Hiện nay, anh và chị L không còn chung sống với nhau nữa, chị L đã bỏ nhà đi. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị L. Anh T và chị L không có con chung. Tài sản chung và nợ chung không có.

Biên bản lập xong nhưng anh Tỉnh không đồng ý ký tên vào biên bản, anh Tỉnh cũng không đồng ý đến Tòa án để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tỉnh là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc ly hôn với anh Tỉnh; Về con chung: không có; Về tài sản chung: chị L không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: chị L xác định không có nên không giải quyết.

Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* chị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và bị đơn là anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Về thủ tục tố tụng: chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm

b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị L và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống chị L và anh T có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân với nhau từ tháng 06-2021 cho đến nay.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do, cho thấy anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị L và anh T ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] *Về con chung*: không có.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị L không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định cũng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Mỹ L về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trương Mỹ L và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: chị L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị L xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: chị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016786 ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan cấp GCNKH;
- Lưu

Nguyễn Quốc Hùng